

Số: 7/QĐ- THS1TT

Tuần Giáo, ngày 28 tháng 02 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố công khai bổ sung dự toán ngân sách năm 2025
của Trường tiểu học số 1 thị trấn Tuần Giáo**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG TIỂU HỌC SỐ 1 THỊ TRẤN TUẦN GIÁO

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ vào thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 26/QĐ-PGD&ĐT ngày 25/02/2025 của Phòng giáo dục và đào tạo về việc bổ sung dự toán chi các chế độ học sinh 4 tháng cuối năm 2024;

Xét đề nghị của bộ phận tài chính;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai bổ sung số liệu dự toán ngân sách năm 2025 của trường TH số 1 thị trấn Tuần Giáo (biểu chi tiết kèm theo)

Điều 2. Quyết định này được niêm yết tại trụ sở làm việc của cơ quan từ ngày 28/02/2025 đến 27/03/2025 và công bố tại cuộc họp hội đồng nhà trường.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Trường TH số 1 thị trấn Tuần Giáo và các bộ phận có liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Trường THS1 Thị trấn TG;
- Các bộ phận;
- Lưu VT.



Đặng Thị Mò

Đơn vị: Trường Tiểu học số 1 thị trấn Tuần Giáo
Chương: 622

Biểu số 2- Ban hành kèm theo
TT 90 ngày 28/9/2018 của
BTC

DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC 2025

(Kèm theo Quyết định số 38/QĐ-THSITT ngày 28/02/2025 của hiệu trưởng trường Tiểu học số 1 thị trấn Tuần Giáo)
(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

DVT: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	0,00
I	Số thu phí, lệ phí	
1	Lệ phí	
	Lệ phí A	
	Lệ phí B	
		
2	Phí	
	Phí A	
	Phí B	
		
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	
1	Chi sự nghiệp.....	
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
2	Chi quản lý hành chính	
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
III	Số phí, lệ phí nộp NSNN	
1	Lệ phí	
	Lệ phí A	
	Lệ phí B	
2	Phí	
	Phí A	
	Phí B	
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	8,400
I	Nguồn ngân sách trong nước	
1	Chi quản lý hành chính	
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
2	Nghiên cứu khoa học	
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ	



Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
1	Chi quản lý hành chính	
2	Chi sự nghiệp khoa học công nghệ	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
5	Chi đảm bảo xã hội	
6	Chi hoạt động kinh tế	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	
II	Nguồn vay nợ nước ngoài	
1	Chi quản lý hành chính	
2	Chi sự nghiệp khoa học công nghệ	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
5	Chi đảm bảo xã hội	
6	Chi hoạt động kinh tế	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	

Tuần Giáo, ngày 22 tháng 02 năm 2025

Thủ trưởng đơn vị

(Chữ ký, dấu)



Đặng Thị Hòa



Đơn vị: Trường Tiểu học số 1 thị trấn Tuần Giáo
Chương: 622

Biểu số 2- Ban hành kèm theo
TT 90 ngày 28/9/2018 của
BTC

DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC 2025

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-THS/TT ngày 28/02/2025 của hiệu trưởng trường Tiểu học số 1 thị trấn Tuần Giáo)

(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

ĐVT: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	0,00
I	Số thu phí, lệ phí	
1	Lệ phí	
	Lệ phí A	
	Lệ phí B	
		
2	Phí	
	Phí A	
	Phí B	
		
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	
1	Chi sự nghiệp.....	
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
2	Chi quản lý hành chính	
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
III	Số phí, lệ phí nộp NSNN	
1	Lệ phí	
	Lệ phí A	
	Lệ phí B	
2	Phí	
	Phí A	
	Phí B	
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	8,400
I	Nguồn ngân sách trong nước	
1	Chi quản lý hành chính	
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
2	Nghiên cứu khoa học	
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ	



Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở	
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	8,400
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
5	Chi bảo đảm xã hội	
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
6	Chi hoạt động kinh tế	
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tin	
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
II	Nguồn vốn viện trợ	
1	Chi quản lý hành chính	
1.1	Dự án A	
1.2	Dự án B	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	
2.1	Dự án A	
2.2	Dự án B	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	
3.1	Dự án A	
3.2	Dự án B	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
4.1	Dự án A	
4.2	Dự án B	
5	Chi đảm bảo xã hội	

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
5.1	Dự án A	
5.2	Dự án B	
6	Chi hoạt động kinh tế	
6.1	Dự án A	
6.2	Dự án B	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
7.1	Dự án A	
7.2	Dự án B	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
8.1	Dự án A	
8.2	Dự án B	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tin	
9.1	Dự án A	
9.2	Dự án B	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	
10.1	Dự án A	
10.2	Dự án B	
III	Nguồn vay nợ nước ngoài	
1	Chi quản lý hành chính	
1.1	Dự án A	
1.2	Dự án B	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	
2.1	Dự án A	
2.2	Dự án B	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	
3.1	Dự án A	
3.2	Dự án B	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
4.1	Dự án A	
4.2	Dự án B	
5	Chi đảm bảo xã hội	
5.1	Dự án A	
5.2	Dự án B	
6	Chi hoạt động kinh tế	
6.1	Dự án A	
6.2	Dự án B	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
7.1	Dự án A	
7.2	Dự án B	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
8.1	Dự án A	
8.2	Dự án B	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tin	



Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
9.1	Dự án A	
9.2	Dự án B	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	
10.1	Dự án A	
10.2	Dự án B	

Tuần Giáo, ngày 28 tháng 02 năm 2025

Thủ trưởng đơn vị

(Chữ ký, dấu)



Đặng Thị Hòa

QUYẾT ĐỊNH

Về việc bổ sung dự toán chi các chế độ học sinh 4T cuối năm 2024

TRƯỞNG PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 02/2021/QĐ-UBND ngày 29/9/2021 của UBND huyện Tuần Giáo Ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Phòng GD&ĐT huyện Tuần Giáo;

Căn cứ Quyết định số: 137/QĐ-UBND ngày 14/02/2024 của UBND huyện Tuần Giáo về việc Điều chỉnh tăng dự toán chi ngân sách cho các đơn vị để thực hiện chính sách an sinh xã hội năm 2024, năm 2025;

Xét đề nghị của bộ phận tài vụ Phòng Giáo dục và Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Bổ sung kinh phí các chế độ học sinh cho trường học như sau:

1. Chế độ ăn trưa cho trẻ 3-5 tuổi: điều chỉnh tăng: 142.720.000đ;
2. Giáo viên dạy tăng cường tiếng việt: điều chỉnh tăng: 30.600.000đ;
3. Chế độ cho học sinh bán trú: điều chỉnh tăng 78.624.000đ;
4. Chế độ hỗ trợ chi phí học tập: điều chỉnh tăng 481.800.000đ;
5. Chế độ miễn giảm học phí: điều chỉnh tăng: 18.270.000đ.

(Theo biểu chi tiết kèm theo)

Điều 2. Căn cứ dự toán được giao, các trường có trách nhiệm quản lý, sử dụng và thanh quyết toán nguồn kinh phí đúng theo quy định hiện hành, đảm bảo đúng đối tượng, chính sách quy định của Nhà nước.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký.

Hiệu trưởng các trường có tên trong phụ lục tại điều 1 và các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Phòng TC-KH huyện;
- Kho bạc nhà nước huyện;
- LĐ, CC, VC phòng;
- Các trường có tên tại điều 1;
- Lưu VT, TV.

TRƯỞNG PHÒNG



Đỗ Văn Sơn

BIỂU BỐ SUNG DƯ TOÁN CHI CÁC CHẾ ĐỘ HỌC SINH 4T CUỐI NĂM 2024 (MÃ NGUỒN 12)

(Kèm theo QĐ số 26 ngày 25 tháng 02 năm 2025)

STT	Tên trường	Ấn trư	GV dạy TCTV	Bán trú	CPHT	MGHP	Tổng cộng
TỔNG CỘNG		142.720.000	30.600.000	78.624.000	481.800.000	18.270.000	752.014.000
1	Trường MN Thị trấn	1097887			4.800.000		9.920.000
2	Trường MN 20/7	1099370			600.000		1.240.000
3	Trường MN Hoa Ban	1097896	27.000.000		96.600.000	6.860.000	223.900.000
4	Trường MN Hòa Mĩ	1097898	3.600.000		41.400.000	11.410.000	99.930.000
Cộng cấp MN		142.720.000	30.600.000	0	143.400.000	18.270.000	334.990.000
1	Trường TH Quài Tở	1097888		78.624.000	252.600.000		331.224.000
2	Trường TH Xuân Ban	1097933			53.400.000		53.400.000
3	Trường TH Số 1 Thị trấn	1097937			8.400.000		8.400.000
4	Trường TH Số 2 Thị trấn	1097938			4.200.000		4.200.000
5	Trường TH Số 1 Quài Nưa	1097904			600.000		600.000
6	Trường TH Bình Minh	1097908			1.200.000		1.200.000
7	Trường TH Phình Sáng	1097915			600.000		600.000
8	Trường TH Quài Cang	1097946			3.600.000		3.600.000
9	Trường TH Số 2 Quài Cang	1097932			1.200.000		1.200.000
Cộng cấp TH				78.624.000	325.800.000		404.424.000
1	Trường THCS Thị trấn	1097939			12.600.000		12.600.000
Cộng cấp THCS					12.600.000		12.600.000